

FINE ART SYMBOLS ENGRAVED ON THE ARCHITECTURE UNDER THE NGUYEN DYNASTY AND THE CURRENT ARCHITECTURAL WORKS

Tran Thanh Nam

University of Architecture Ho Chi Minh City

Email: nam.tranthanh@uah.edu.vn

Received: 15/3/2022

Reviewed: 16/3/2022

Revised: 20/3/2022

Accepted: 23/5/2022

Released: 30/5/2022

DOI:

Artistic symbols in sculptural language contribute to clarifying the architectural works to which they are attached. These symbols help us to identify the function of the architectural work from a long view. Belonging to the architecture under the Nguyen Dynasty, the artistic symbols still have a profound influence to this day. Therefore, it is extremely necessary to continue decoding and promoting the values of traditional culture and art.

Key words: Symbol; traditional art; the Nguyen Dynasty.

1. Giới thiệu

Biểu tượng văn hóa trong công trình kiến trúc đóng vai trò như những “ký hiệu” và là công cụ của tư duy gợi lên sự liên tưởng, giúp cho con người khám phá những ý nghĩa ẩn chứa bên trong. “Biểu” là phần hình, hình ảnh tồn tại không gian thật để chuyển tải phần “nghĩa” là nội hàm tiềm ẩn bên trong. Những biểu tượng trên các công trình kiến trúc tâm linh đóng vai trò như những tín hiệu, mệnh lệnh thúc đẩy con người tuân theo một cách tự nguyện, tự giác. Nhiều biểu tượng còn có giá trị giáo dục, hướng đến những hành vi trong mọi ứng xử của con người với con người, hình thành nên những “khuôn mẫu văn hóa”, giúp điều chỉnh và định hướng trở lại với đời sống xã hội. Trong sự hình thành và phát triển của nghệ thuật tạo hình nói chung và điêu khắc trang trí kiến trúc nói riêng, biểu tượng thể hiện năng lực nhận thức và sáng tạo của con người và chứa đựng những giá trị đối với cộng đồng và xã hội.



Hình 1: Hình tượng chim phượng, Cung Diên Thọ, Hoàng thành Huế (Nguồn: Tác giả)

Biểu tượng chứa đựng các giá trị tiềm ẩn không thể trông thấy một cách cụ thể, định lượng được mà chỉ bằng sự cảm nhận, “hiểu” trong các quy ước văn hóa của từng nền văn hóa cụ thể, chúng phản ánh những nhu cầu về văn hóa - tinh thần của nhân loại. Biểu tượng trong điêu khắc trang trí kiến trúc thông qua những hình tượng cụ thể để biểu thị những ý nghĩa trừu tượng mà nhiều khi khó đoán định hết được. Ví dụ hình tượng *chim Phượng* trang trí trên hệ mái, ngoài những ý nghĩa thanh cao chúng còn cho phép ta nhận biết rằng đây là công trình kiến trúc dành cho phái nữ, như Cung Diên Thọ (Hoàng thành Huế) là nơi ở của các bà Hoàng Thái Hậu, hay Tịnh Thất là nơi tu hành của các ni sư. Trước những công trình kiến trúc tâm linh như: đền, chùa, miếu thường có những bức tượng các con vật linh như: nghê, sư tử,... chúng mang những ý nghĩa tâm linh có tính cảnh báo, răn đe và điều chỉnh hành vi con người trước khi bước vào không gian trang nghiêm. Biểu tượng còn có chức năng siêu nghiệm giúp con người tiếp cận những yếu tố thuộc lĩnh vực tâm linh, định hướng và gợi mở tâm hồn các tín đồ tôn giáo. Như vậy, biểu tượng còn đóng vai trò quan trọng trong việc xác lập không gian của kiến trúc, chúng góp phần phân chia các không gian: *thế tục, linh thiêng, trang nghiêm, chuyên biệt*... Các biểu tượng bằng ngôn ngữ điêu khắc trên công trình kiến trúc tác động đến thị giác gây cảm xúc, tâm lý, tình cảm và nhận thức khác nhau, chúng như những “vật môi giới” trung gian giúp con người hiểu được những điều trừu tượng khó có thể tri giác bằng khái niệm.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Tác giả Thái Bá Vân, trong bài *Điêu khắc đình làng* [7], cho một cái nhìn chung về sự phát triển của điêu khắc đình làng Việt từ các triều đại: Lý, Trần, Mạc, Lê... theo một mạch chảy liên tục của dòng nghệ thuật. Tác giả phân tích các tác phẩm điêu khắc đình làng bằng tư duy cấu trúc, bố cục và ngôn ngữ nghệ thuật, từ đó giúp chúng ta có thể cảm nhận yếu tố “tượng” (ý nghĩa, nội dung) đóng vai trò quan trọng trong các giá trị nghệ thuật.

Trong cuốn *Điêu khắc cổ điển Việt Nam*, hai tác giả Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng [4] đã phân tích phong cách và khuynh hướng của nền mỹ thuật Phật giáo Việt. Đó là mỗi phường thợ đều có phong cách riêng và theo trục thời gian cũng có thể xác định phong cách một cách mạch lạc. Có nhiều khuynh hướng mang tính biểu tượng: như nữ tính - lý

tường hóa, hiện thực, trang trí - hoành tráng và khuynh hướng biểu cảm tự phát. Như vậy, các tác giả cho rằng có thể nhận biết phong cách nghệ thuật cũng có vai trò như những biểu tượng của từng giai đoạn mỹ thuật cổ truyền.

Công trình nghiên cứu *Một con đường tiếp cận lịch sử* [2] của PGS.TS Trần Lâm Biền là cuốn sách tập hợp nhiều bài nghiên cứu về mỹ thuật cổ Việt Nam, về nhiều khía cạnh như kiến trúc đình, chùa Việt, mỹ thuật Việt và giải mã các biểu tượng trang trí của nền mỹ thuật Việt cổ. Tư liệu đã được hệ thống hóa mang đến những lý giải khoa học hữu ích và có cái nhìn tổng quát khía cạnh tâm linh, văn hóa của nghệ thuật tạo hình, trang trí truyền thống dân tộc. Vì thế nền tạo hình Việt được xây dựng trên bề dờ nông dân: “Từ đó mà đường nét nghệ thuật trở nên nhịp nhàng uyển chuyển, lặp đi lặp lại, nặng chất trữ tình đầy yếu tố biểu tượng...” [2, tr.215]. Như vậy, các đồ án trang trí chính là con thuyền chuyên chở khát vọng của con người, vẻ đẹp bên ngoài chỉ là đề gợi ý cho vẻ đẹp bên trong, đó là *vẻ đẹp tâm linh*. Đây chính là một trong những tiền đề quan trọng để đi sâu phân tích các yếu tố “mật” hay tính biểu tượng ẩn sâu trong tác phẩm mỹ thuật..

Trong cuốn sách *Hoa văn Việt Nam từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*, PGS Nguyễn Du Chi [1] đã hệ thống hóa hoa văn trang trí qua từng giai đoạn theo tiến trình của lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Đây là một cuốn sách giá trị và phong phú về tư liệu và hình ảnh minh họa. Nó đem đến cho người đọc một cách nhìn tổng quát các dạng hoa văn và đồ án trang trí. Tác giả cũng cho thấy ý nghĩa của biểu tượng luôn luôn đóng vai trò quan trọng trong hoa văn trang trí Việt. Do đó, việc nghiên cứu biểu tượng luôn đòi hỏi phải tìm hiểu và phân tích những giá trị “mật” ẩn chứa bên trong, thông qua những “mã” được biểu hiện bên ngoài.

Cuốn *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế* [5] đã cung cấp những thông tin quý giá về sự hình thành các ty thợ, các tượng cục... Chính sách khuyến khích phát triển nghề thủ công, mỹ nghệ thời các chúa Nguyễn phác họa những nét khái quát về dung mạo các nghệ nhân, thợ thủ công. Mỗi một phường thợ có những phong cách thể hiện đồ án trang trí riêng, cách thể hiện yếu tố “mật” cũng rất riêng. Các tác giả còn đưa ra nhận định “chủ đề điêu khắc trang trí thời Nguyễn là giới hạn nhưng sự biến dị, tái hiện nó dưới nhiều hình thức khác nhau là vô hạn” [5, tr.137].

Cuốn sách *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí* [6] của Nguyễn Hữu Thông là công trình nghiên cứu về ngôn ngữ biểu tượng, tính ẩn dụ trong trang trí thời Nguyễn trên đất Huế. Tác giả đã kế thừa và tiếp tục giải mã có hệ thống các hình tượng trang trí thời Nguyễn. Ngoài ra, còn cung cấp nguồn gốc thuật ngữ biểu tượng giúp cho người đọc có thêm nhiều thông tin hữu ích để nghiên cứu yếu tố “mật” ẩn chứa trong hình tượng mỹ thuật.

Như vậy, rất nhiều nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ truyền Việt đã đặt nền móng cho việc khám phá những bí ẩn của biểu tượng mỹ thuật truyền thống. Việc tiếp tục giải mã và phát huy những giá trị văn hóa - mỹ thuật cổ truyền trong giai đoạn hiện nay là việc làm vô cùng cần thiết. Đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước là: “Xây dựng một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc” và “Văn hóa phải phát triển ngang tầm kinh tế...”.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

3.1. Tiếp cận nghiên cứu theo hướng Nhân học nghệ thuật

Các biểu tượng mỹ thuật chịu sự chi phối của tôn giáo, tín ngưỡng bản địa cùng tính cách văn hóa của cư dân. Nghiên cứu quá trình sáng tạo và cảm thụ nghệ thuật của cộng đồng dân cư, lý giải quá trình tiếp biến văn hóa có tác động trực tiếp đến ngôn ngữ biểu tượng, nhằm đánh giá giá trị nghệ thuật, ý nghĩa biểu hiện, khám phá đặc tính riêng trong các đồ án trang trí.

3.2. Áp dụng phương pháp nghiên cứu điền dã

Các biểu tượng mỹ thuật hiện hữu trong không gian thật - không gian ba chiều, nên việc sử dụng phương pháp điền dã, khảo sát nghiên cứu thực địa các công trình kiến trúc là cần thiết nhằm phân tích hệ thống đề tài và đồ án trang trí, đúc kết các giá trị biểu tượng. Qua đó xây dựng cách nhìn, tư duy tổng hợp.

3.3. Tiếp cận nghiên cứu theo hướng Mỹ thuật học

Dùng hệ thống lý luận, lý thuyết, kiến thức chuyên ngành điêu khắc để vận dụng *phương pháp phân tích cấu trúc* các biểu tượng theo thể loại, chất liệu và chức năng của kiến trúc mà chúng gắn kết. Phân tích đề tài, bố cục và nội dung để tìm ra hệ giá trị cơ bản của chúng. Sử dụng *phương pháp luận biện chứng, duy vật lịch sử*, coi nghệ thuật là hình thái ý thức xã hội trong bối cảnh của lịch sử đất nước, cũng như lịch sử văn hóa mỹ thuật. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng *phương pháp nghiên cứu liên ngành*. Việc vận dụng tri thức tổng hợp của nhiều lĩnh vực khác nhau để có cái nhìn toàn diện hơn về vai trò, ý nghĩa các biểu tượng mỹ thuật trong đời sống tinh thần, vật chất của con người, cũng như những ảnh hưởng về tôn giáo, sự tiếp biến văn hóa và những tác động lịch sử.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng

Ngày nay, nhiều công trình đền, đài, khu tưởng niệm được xây dựng với sự đầu tư kinh phí rất lớn của nhà nước và nhân dân. Như thế, vai trò của biểu tượng mỹ thuật trong các công trình trên không chỉ đơn thuần là “người đệm đàn” làm tăng thêm tính thẩm mỹ cho hình khối kiến trúc, mà chúng còn là “linh hồn” của công trình, làm “thiêng hóa”, “sang hóa” những không gian mà chúng hiện diện. Trên thực tế, có những công trình kiến trúc tâm linh nhờ những đôi bàn tay tài hoa của các nghệ nhân, nhà điêu khắc mà giá trị thẩm mỹ, tinh thần... được nhân lên gấp bội. Song, cũng có không ít những công trình mà hiện hữu của biểu tượng mỹ thuật trở nên phản cảm, kém thẩm mỹ đối chọi với những hình khối kiến trúc. Một phần là do thiếu vắng những triết mỹ ẩn chứa trong các kiểu thức trang trí, thậm chí những đồ án trang trí, hoa văn, họa tiết là những tinh hoa mỹ thuật cổ của bao đời nay bị bóp méo, ngộ nhận làm mất đi những giá trị khởi nguyên của chúng. Những nội dung ẩn chứa mà các biểu tượng công trên mình chính là linh hồn của công trình. Bởi lẽ, nếu bóc tách các đồ án trang trí đi thì chỉ còn là những lớp vỏ vừa vô tri, vô giác. Tất nhiên không thể phủ nhận bản chất nghệ thuật là sự tìm tòi sáng tạo, song sự kế thừa những giá trị thẩm mỹ đã được khẳng định bao đời nay là không thể xem nhẹ. Khi những ý nghĩa biểu tượng trong điêu khắc trang trí bị lãng quên, sẽ làm giảm đi giá trị và mất đi những triết mỹ đầy tính nhân văn của các đồ án trang trí, làm cho nhiều công trình kiến trúc tâm linh trở nên xa lạ và mất đi tính “thiêng”, “quý” cần có. Không thể nhân danh sự tìm tòi, sáng tạo với những hình thức biểu hiện bên

ngoài, mà quên đi nội hàm bên trong những kiểu thức trang trí. Đơn cử một ví dụ như công trình đền Bến Dược (được xây dựng năm 1993), ở huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Trên hệ mái, đồ án “Lưỡng long triều nguyệt” được thay thế bằng “Lưỡng long triều ngôi sao”, làm mất đi ý nghĩa tưởng niệm của đền. Sau này người ta phải làm lại bằng các motif trang trí truyền thống thời Nguyễn, bằng chất liệu khảm sành sứ, thay cho chất liệu fiberglass vốn không có sức sống với thời gian. Rõ ràng, không nên cảm tính, võ đoán hay thành kiến khi nhân danh hiện đại mà quay mặt lại với quá khứ. Mỗi một giai đoạn mỹ thuật truyền thống dân tộc, đều có những ngôn ngữ và giá trị biểu hiện riêng. Chính vì vậy, khi muốn tìm về với các giá trị triết mỹ trong kho tàng mỹ thuật truyền thống, rất cần có sự tỉnh táo, nghiêm túc, cũng như sự am hiểu ý nghĩa các biểu tượng của cha ông ta.

4.2. Vai trò của biểu tượng ở các công trình kiến trúc truyền thống Việt

Biểu tượng mỹ thuật bằng ngôn ngữ điêu khắc góp phần làm rõ nội dung của công trình kiến trúc mà chúng gắn kết, những biểu tượng đó giúp chúng ta nhận diện chức năng của công trình ngay khi quan sát từ xa. Như hình tượng rồng được trang trí dày đặc trên điện Thái Hòa, cửa Ngọ Môn cung đình Huế mang ý nghĩa về ý niệm vương quyền, chỉ dẫn về những không gian dành cho các bậc đế vương. Chính vì vậy, biểu tượng trên các công trình kiến trúc mang “tính thông tin”, chúng hàm chứa nội dung, chức năng của kiến trúc. Đúng như tác giả Nguyễn Du Chi đã nhận định: “Tất cả những điều đó chứng tỏ ông cha ta từ xưa chẳng những dùng hoa văn để trang trí là một nhu cầu mà còn biết sử dụng những tín hiệu của luật pháp của một tôn ti trật tự cần thiết trong xã hội” [1, tr.111]. Đứng trước các công trình tôn giáo chúng ta dễ dàng nhận diện chức năng của chúng như: “bánh xe chuyển pháp luân”, “chữ vạn”, “hoa sen”... tượng trưng cho Phật giáo; “chữ thập”, “chim bồ câu”, “thánh giá”, “alpha & omega” là biểu tượng của Thiên Chúa giáo... Như vậy, ngoài những giá trị về thẩm mỹ, tinh thần thì biểu tượng còn có chức năng *nhận diện* cho công trình kiến trúc và tự thân trang trí trên kiến trúc là *biểu tượng mỹ thuật*. Có những biểu tượng điêu khắc không gắn kết trực tiếp với tòa nhà, mà đứng độc lập trong mặt bằng kiến trúc, chúng góp phần *xác lập các không gian chức năng* và làm rõ nội dung cho công trình kiến trúc.



Hình 2: Nghệ trước sân Đại triều Nghi, Hoàng thành Huế (Nguồn: Tác giả)

Mỗi thành phần tham gia đều đóng góp cho ý đồ bố cục chung, nhằm biểu đạt nội dung của công trình. Ở đây, những biểu tượng văn hóa bằng ngôn ngữ điêu khắc, có tác dụng chuyển tải thông điệp, cảnh báo, giúp cho con người ý thức và chuẩn bị tâm thế khi bước vào các không gian chức năng. Ví dụ: những cặp nghê thường được đặt cổng tam quan trước đình, đền, chùa, miếu... Con nghê là linh vật huyền thoại trong tâm thức người Việt rất thân quen như hình tượng con chó đá đứng gác cổng làng, cổng đình. Con chó là người bạn thân thiết của người dân Việt, giúp canh giữ bảo vệ những giá trị vật chất, còn nghê lại là thần hộ vệ cho những giá trị tinh thần. Răng nghê sắc nhọn, đầu và chân nhiều đao mác, mắt mở tròn đầy uy lực. Với vẻ bề ngoài oai nghiêm như thế, nghê là một linh vật dùng để trấn áp mọi tà ma, quỷ dữ. Người xưa cho rằng nghê kiểm soát được tâm hồn con người, biết phân biệt được thiện ác. Ngoài ra, còn có những cặp nghê được đặt ở cổng tam quan, khu vực miếu thờ, các đao mác lửa, bồm, kỳ... đều áp sát vào thân, miệng ngậm, không nhe nanh đáng vẻ hiền lành, khuôn mặt thoảng vẻ suy tư cùng bố cục vững chãi, tĩnh lặng cho phép ta liên tưởng đến không gian trang nghiêm bên trong. Phải chăng tính chất tưởng niệm của không gian thờ cúng bên trong đã tác động đến hình tượng tạo hình của biểu tượng. Nội dung chuyển tải của từng không gian khác nhau, đã chi phối đến hình thức bố cục và thủ pháp nghệ thuật. Hay nói một cách khác *tính chất biểu tượng* trong điêu khắc trang trí kiến trúc phản ánh nội hàm của công trình kiến trúc, chúng là những thành tố quan trọng góp phần *xác lập các không gian chức năng* cho kiến trúc. Rõ ràng nội dung của công trình kiến trúc đã chi phối hình thức, diện mạo bên ngoài của biểu tượng, để biểu hiện cho chính mình ở trong tinh thần và nhận thức.

Bản thân một công trình kiến trúc cổ truyền cũng ẩn chứa những giá trị biểu tượng. Bởi vì, kiến trúc là nghệ thuật xử lý không gian như: không gian sinh hoạt, không gian tâm linh, không gian tưởng niệm... mà còn là không gian văn hóa, biểu thị những giá trị, những khuynh hướng tinh thần của thời đại. Hình ảnh quê hương làng xã Việt gắn với vẻ đẹp của ngôi chùa đã từ lâu ăn sâu trong tâm khảm của nhiều người Việt. Từ ngoài vào chùa thì cổng Tam quan, ngoài chức năng phân bố không gian thì chúng còn là một biểu tượng mang ý nghĩa Phật giáo. Tam quan là: “Hữu quan”, “Không quan” và “Trung quan” ẩn chứa triết lý sâu sắc của nhà Phật. Hay ngôi chùa hình chữ công biểu tượng cho “Dục giới”, “Sắc giới” và “Vô sắc giới”... Kiến trúc chùa cũng công trên mình vô vàn biểu tượng ẩn chứa khác. Có thể nói rằng, ngôi chùa là một “bảo tàng” văn hóa - mỹ thuật của làng, bởi lẽ nơi đây lưu giữ những biểu tượng mỹ thuật truyền thống và giá trị văn hóa cổ truyền dân tộc Việt. Sẽ ra sao nếu bóc tách riêng rẽ kiểu thức trang trí trên những ngôi chùa, nơi mà giá trị biểu cảm, ước vọng ẩn chứa trong biểu tượng mỹ thuật. Tính biểu tượng trong các đồ án trang trí ấy chứa đựng linh khí của dân tộc. Vậy nên “Sức sống của nền mỹ thuật dân tộc tiềm ẩn trong ý thức và tiềm thức của mỗi người Việt Nam. Chính vì đặc điểm ấy mà Việt Nam đã giữ được bản sắc muôn thuở của mình và cũng nhờ giữ được bản sắc của mình mà giữ được nước” [5, tr.200]. Chính vì thế, biểu tượng trên công trình kiến trúc truyền thống chứa đựng các giá trị mỹ cảm truyền đời của dân tộc ta.

4.3. Tìm hiểu ý nghĩa biểu tượng trên kiến trúc thời Nguyễn

Có thể nói rằng, trang trí mỹ thuật trên các công trình kiến trúc thời Nguyễn trở thành những *biểu tượng văn hóa* bằng ngôn ngữ tạo hình, chúng cõng trên mình những nội dung hàm chứa ý nghĩa sâu sắc. Thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người. Giá trị biểu tượng của nghệ thuật trang trí thời Nguyễn cũng góp phần làm rõ diện mạo văn hóa - mỹ thuật Nguyễn. Cổng Ngọ Môn và điện Thái Hòa là hai công trình kiến trúc quan trọng của cung đình Huế. *Một là*, cổng chính phía Nam của Hoàng thành Huế không chỉ là nơi xa giá của vua và các quan đại triều đi qua, mà còn là lễ đài hướng về quảng trường trước Kỳ Đài, nơi cử hành các lễ lớn của triều đình như lễ Truyền lô (xướng danh các tân Tiến sĩ), lễ Ban sóc (phát lịch), lễ Duyệt binh... *Hai là*, nơi đặt ngai vàng và diễn ra các sự kiện trọng đại của triều đình: các lễ đại triều, tiếp đón các sứ thần... Những kiểu thức trang trí trên hai công trình này ngoài chức năng làm rõ nội dung của công trình: nơi các vị “thiên tử thay trời hành đạo” và chứng kiến các sự kiện trọng đại của triều đình, chúng còn là những biểu tượng nghệ thuật nhấn mạnh vai trò của không gian kiến trúc, vì thế yếu tố “mật” ẩn dụ trong hình khối điêu khắc nói lên danh phận, địa vị và cốt cách của chủ nhân, những người thụ hưởng công trình kiến trúc. Thời Nguyễn đã diễn ra những hiện tượng tiếp biến văn hóa, nhưng với sức mạnh của văn hóa truyền thống, các kiểu thức trang trí có nguồn gốc nước ngoài, dần dần theo thời gian được chắt lọc theo tư duy và mỹ cảm của dân tộc, mà trở thành thuần Việt. Như chất liệu Pháp lam có nguồn gốc xuất xứ từ nước ngoài, nhưng sau đó được làm tại Huế có những đặc tính riêng như hòa sắc, cách vẽ men tạo những độ nhòe mềm mại đầy ngẫu hứng. Đặc biệt là Pháp lam Huế được đưa vào trang trí kiến trúc như bình Hồ lô trên hệ mái, búp sen trên các tam quan. Đó chính là sự khác biệt của Pháp lam Huế với các loại Pháp lam có xuất xứ từ nước ngoài. Cũng có khi, những hình tượng nghệ thuật đến từ các nền văn hóa khác, lại trở thành nguồn cảm hứng sáng tạo cho các phường thợ thủ công xưa. Ví dụ như một số hoa văn, họa tiết ngoại nhập xuất hiện như: hoa văn lá nho trên Cừ vị Thần Công, hay các mẫu thức trang trí dạng lá lật ở cung Diên Thọ, hay hoa văn trên đài phun nước bằng đá ở điện Kiến Trung... thông qua đôi bàn tay tài hoa của các nghệ nhân thời Nguyễn, mà trở thành biểu tượng mỹ thuật thấm đẫm hơi thở Việt, đóng góp cho sự giàu có của kho tàng trang trí mỹ thuật dân tộc, bởi lẽ, một hành vi sáng tạo này nhiều khi lại đem lại cảm hứng cho một hành vi sáng tạo khác. Với một triều đại chịu sự ảnh hưởng Nho giáo nặng nề như triều Nguyễn, nhiều mẫu thức trang trí có nguồn gốc từ Trung Hoa là điều dễ hiểu. Song trên những mảng chạm, khắc, đắp, đục của những đồ án trang trí đều ướt đẫm giọt mồ hôi và còn lưu dấu những đôi bàn tay tài hoa của những nghệ nhân xưa. Như vậy, tuy hệ đề tài trang trí trong nghệ thuật tạo hình Huế đã “phản ánh ảnh hưởng tam giáo một cách sâu đậm, nhưng trong sự có hạn của đề tài trang trí mang tính khuôn mẫu như: “*điều - thú*”, “*hoa - thụ*”, “*tứ linh*”, “*bát bửu*” là sự vô hạn trong cách chuyển hóa và thần thái trong quá trình thể hiện” [6, tr.18]. Trên tinh thần đó, các biểu tượng mỹ thuật thời Nguyễn mặc dù bị chi phối bởi nội dung Nho giáo, nhưng chúng không phải là những bản sao chép “sống sượng”, mà ngược lại là *sự biến hóa đầy tính năng động* trong các đồ án trang trí. Chính nhờ vào tư duy sáng tạo và lối cảm thụ hình tượng riêng, các nghệ nhân thời Nguyễn đã biến hóa những đề tài trang trí du nhập trở thành những biểu

tượng mỹ thuật mới, với những biến thể riêng, đóng góp thêm cho sự đa dạng của các đồ án trang trí. Suy cho cùng, từ những biểu tượng mỹ thuật có nguồn gốc ngoại nhập, thông qua tài năng sáng tạo của các nghệ nhân, mà biến hóa để kết hợp nhuần nhuyễn với kiến trúc, đạt những giá trị thẩm mỹ và trở thành những biểu tượng có giá trị nghệ thuật cao. Chúng không phải là những phiên bản rập khuôn máy móc các yếu tố ngoại lai, mà còn được sáng tạo cho phù hợp với môi trường, gắn kết trở thành những biểu tượng mỹ thuật thuần Việt, làm sinh động và đa dạng các hình thức trang trí. Những biểu tượng mỹ thuật luôn luôn được sáng tạo trong từng không gian, hoàn cảnh cụ thể tạo thành những biến thể mới làm phong phú kho tàng biểu tượng mỹ thuật. Với những giá trị tự thân, biểu tượng mỹ thuật thời Nguyễn vừa là sự tiếp nối truyền thống mỹ thuật dân tộc, vừa là những biến thể mới, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và sự phát triển tất yếu của lịch sử mỹ thuật Việt.

4.4. Một số giải pháp nhằm kế thừa giá trị các biểu tượng truyền thống

Để kế thừa truyền thống điêu khắc trang trí của cha ông trước hết cần phải hiểu được ý nghĩa sâu xa của biểu tượng ẩn chứa trong những họa tiết, hình tượng trang trí mà ông cha đã gửi gắm. Triều Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng gần với thời đại chúng ta, cho nên biểu tượng mỹ thuật thời Nguyễn vẫn có tầm ảnh hưởng sâu rộng cho đến tận ngày nay. Việc nghiên cứu và kế thừa truyền thống mỹ thuật Nguyễn vẫn là vấn đề mang tính thời sự, để khẳng định những giá trị nghệ thuật và tác động của chúng đối với đời sống tinh thần của nhân dân. Chính vì thế, mỹ thuật, kiến trúc Nguyễn vẫn còn nguyên giá trị và có sức sống trường tồn trong dòng chảy mỹ thuật dân tộc.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhiều công trình đền, đài, chùa, miếu bị phá hủy. Sau khi đất nước hoàn toàn thống nhất, cùng với sự phát triển kinh tế và văn hóa, nảy sinh nhu cầu về tâm linh, đền ơn đáp nghĩa của nhân dân. Trên khắp mọi miền đất nước, nhiều đền, miếu, lăng, mộ... được xây dựng mới với ước vọng hướng về cội nguồn tổ tiên, tri ân những anh hùng, liệt sĩ của nhân dân. Đó là yếu tố quyết định sự ra đời của những công trình kiến trúc tâm linh. Các biểu tượng mỹ thuật trên kiến trúc truyền thống vẫn không bị mai một, những rồng mái, đầu đao, hoa văn trang trí tiếp tục được phát huy và kế thừa. Do đó, cần có sự đóng góp của các nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ, các nhà nghiên cứu văn hóa, những người yêu quý mỹ thuật cổ truyền Việt Nam để sưu tầm biên soạn những tư liệu, hình ảnh của biểu tượng mỹ thuật Việt Nam qua các thời kỳ. Những tư liệu này sẽ là tài liệu nghiên cứu, tham khảo và học tập hữu ích không chỉ cho các sinh viên ở các trường mỹ thuật, các lớp đào tạo nghề truyền thống mà còn cho cả những người làm công tác mỹ thuật.

Thay môn học *Chép vốn cổ* của sinh viên mỹ thuật thành môn *Nghiên cứu vốn cổ*, và nên có sự tham gia giảng dạy của các nhà nghiên cứu về mỹ thuật cổ. Thông qua đó, các buổi học không chỉ đơn thuần là sự sao chép lại phiên bản hoa văn, họa tiết, hay là thuần túy rèn luyện kỹ năng vẽ chép mà còn là dịp để sinh viên được trau dồi kiến thức mỹ thuật cổ, ý nghĩa biểu tượng của các motif trang trí. Điều này sẽ góp phần không nhỏ sau này vào những công trình kiến trúc tâm linh mà có sự hiện diện của điêu khắc trang trí.

Thiết kế những bài giảng về mỹ thuật cổ truyền dân tộc Việt trong chương trình mỹ thuật ở bậc phổ thông; tổ chức cho học sinh đi tham quan những công trình kiến trúc, mỹ

thuật cổ để các em cảm nhận vẻ đẹp của mỹ thuật cổ truyền, và nuôi dưỡng tình yêu và khám phá các giá trị mỹ thuật truyền thống.

Để có những công trình đền, đài tưởng niệm sử dụng những yếu tố trang trí vốn có đạt giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cao hơn nên có sự hiện diện của những người am hiểu kiến thức trong lĩnh vực này ở hội đồng thẩm định thiết kế mỹ thuật. Mời các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu mỹ thuật cổ tham gia tư vấn khâu thiết kế mỹ thuật, cũng như tham gia phản biện ở các cuộc thi thiết kế các công trình kiến trúc tâm linh đang và sẽ được xây dựng.

5. Thảo luận

Cho đến nay, các biểu tượng mỹ thuật truyền thống vẫn có sức sống mãnh liệt. Nhu cầu về những không gian tâm linh của nhân dân ngày càng được nâng cao. Nhiều đền, miếu, đình, chùa,... vẫn được xây dựng mới, trong đó sử dụng các biểu tượng truyền thống với sự tham gia của các nghệ nhân, kiến trúc sư, nhà điêu khắc trong thiết kế và thi công, qua đó cho thấy biểu tượng mỹ thuật cổ truyền dân tộc nói chung và mỹ thuật Nguyễn nói riêng với những giá trị tự thân vẫn có sức cuốn hút và chi phối đời sống tinh thần của quần chúng nhân dân.

Hiện nay, việc xây dựng các công trình kiến trúc tâm linh trên khắp cả nước sử dụng các biểu tượng mỹ thuật tràn lan, thậm chí ngộ nhận ý nghĩa biểu tượng khởi nguyên của chúng. Điều đó đã phá vỡ mối quan hệ giữa kiến trúc và điêu khắc, làm cho nhiều công trình kiến trúc tâm linh trở nên thiếu trang nghiêm và kém thẩm mỹ. Triều Nguyễn có số lượng công trình kiến trúc, mỹ thuật nhiều và trải rộng khắp cả nước. Số lượng di tích còn tồn tại đến ngày nay khá lớn, nên sự ảnh hưởng của chúng đối với những công trình xây dựng có sử dụng biểu tượng mỹ thuật khắp mọi miền đất nước là điều dễ hiểu. Vì lý do đó, việc có thêm nhiều những công trình nghiên cứu về biểu tượng mỹ thuật Nguyễn là việc làm thiết thực nhằm góp phần giữ gìn và phát huy những giá trị mỹ thuật cổ truyền.

Việc đào tạo ở hầu hết các trường nghệ thuật tạo hình trên cả nước hiện nay đều xem nhẹ môn học *Nghiên cứu vốn cổ*. Nếu có đào tạo thì cũng chưa có sự thống nhất về nội dung, phương pháp giảng dạy và còn mang nặng tính hình thức. Do đó, rất cần những nghiên cứu chuyên sâu về mỹ thuật truyền thống để đưa ra những đánh giá khoa học, khách quan về giá trị nghệ thuật của biểu tượng mỹ thuật góp phần bổ sung vào lĩnh vực lý luận và lịch sử mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Việc nghiên cứu giải mã các biểu tượng mỹ thuật rất cần thiết, bởi lẽ chúng đóng vai trò quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần của con người, chúng giúp chúng ta cảm nhận được trình độ văn hóa, thẩm mỹ của cộng đồng dân cư hay của một dân tộc.

6. Kết luận

Biểu tượng mỹ thuật trong các đồ án trang trí của mỹ thuật truyền thống Việt ẩn chứa những nội dung phản ánh tư duy, tình cảm, ý chí của người xưa. Những giá trị đặc sắc của biểu tượng mỹ thuật được kết tinh lại từ những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác trong tiến trình phát triển của lịch sử. Thông qua đó có thể nhận diện tính cách, tâm hồn và tình cảm của cả một cộng đồng. Chính vì thế, những hoa văn, họa tiết, đồ án trang trí trở thành những biểu tượng chứa đựng những giá trị tinh thần, tư tưởng đầy tính nhân văn của mỹ thuật truyền thống Việt, khi gắn kết với các công trình kiến trúc tâm linh như đình, chùa, lăng, miếu. Biểu tượng mỹ thuật với các giá trị tinh

thần ẩn chứa đã góp phần làm “thiên hòa”, “linh hóa” các không gian, môi trường mà chúng gắn kết. Nhờ đó mà các đình, đền, chùa, miếu... trở nên trang nghiêm, linh thiêng hơn, chúng góp phần làm tăng thêm sự súc tích các giá trị tinh thần của công trình, góp phần làm rõ nội dung kiến trúc. Dân tộc Việt Nam có truyền thống coi trọng các giá trị tinh thần, văn hóa. Trong suốt tiến trình của lịch sử mỹ thuật truyền thống dân tộc, các giá trị tinh thần của biểu tượng mỹ thuật được lưu giữ ở đình, chùa... khắp các làng xã, đó chính là “bảo tàng mỹ thuật” dân gian và hình tượng nghệ thuật thông qua ngôn ngữ điêu khắc, phản ánh xã hội, lịch sử, văn hóa của con người, cộng đồng.

Ngày nay, việc giữ gìn và phát huy các giá trị của biểu tượng mỹ thuật ngoài ý nghĩa tri ân tiền nhân, thì còn là trách nhiệm gìn giữ bản sắc dân tộc. Nghiên cứu, phổ biến và phát huy biểu tượng mỹ thuật Việt trong các công trình kiến trúc có sử dụng hoa văn trang trí cổ truyền là trách nhiệm của những nhà mỹ thuật, kiến trúc và cả những người yêu quý mỹ thuật truyền thống dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Du Chi (2003), *Hoa văn Việt Nam (từ thời tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến)*, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội (chịu trách nhiệm xuất bản Trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội - Viện Mỹ thuật).
- [2]. Trần Lâm Biền (2000), *Một con đường tiếp cận lịch sử*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [3]. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng - một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [4]. Nguyễn Quân và Phan Cẩm Thượng (1997), *Điêu khắc cổ điển Việt Nam*, Mỹ thuật, Hà Nội
- [5]. Nguyễn Hữu Thông (chủ biên) (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Hữu Thông (2001), *Mỹ thuật Huế nhìn từ góc độ ý nghĩa và biểu tượng trang trí*, Phân viện Văn hóa Nghệ thuật tại TP. Huế, Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [7]. Thái Bá Vân (1998), *Tiếp xúc với nghệ thuật*, Viện Mỹ thuật Việt Nam, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

TÌM HIỂU BIỂU TƯỢNG MỸ THUẬT TRÊN KIẾN TRÚC THỜI NGUYỄN, Suy nghĩ về việc sử dụng biểu tượng trong các công trình kiến trúc ngày nay

Trần Thanh Nam

Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh
Email: nam.tranthanh@uah.edu.vn

Ngày nhận bài: 15/3/2022
Ngày phản biện: 16/3/2022
Ngày tác giả sửa: 20/3/2022
Ngày duyệt đăng: 23/5/2022
Ngày phát hành: 30/5/2022

DOI:

Biểu tượng mỹ thuật bằng ngôn ngữ điêu khắc góp phần làm rõ nội dung của công trình kiến trúc mà chúng gắn kết. Những biểu tượng đó giúp chúng ta nhận diện chức năng của công trình ngay khi quan sát từ xa. Triều Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng gần với thời đại chúng ta nhất, cho nên biểu tượng mỹ thuật thời Nguyễn vẫn có tầm ảnh hưởng sâu rộng cho đến tận ngày nay. Việc tiếp tục giải mã và phát huy những giá trị văn hóa - mỹ thuật cổ truyền là việc làm vô cùng cần thiết.

Từ khóa: Biểu tượng; Mỹ thuật truyền thống; Thời Nguyễn.